UBND TỈNH ĐỒNG NAI
TRUNG TÂM CHỈ HUY ĐIỀU HÀNH PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 7510/BC-TTCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 08/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		816	Tăng (8,2%)	32.148
Đang điều trị (18.242)	*Tầng 3*	18	Tăng (100,0%)	241
	Tầng 2	446	Tăng (15,8%)	5.380
	Tầng 1	388	Giảm (20,5%)	6.687
	Khác			5.933
Khỏi bệnh		329	Tăng (65,3%)	13.615
Tử vong		0	Giảm(100,0%)	291

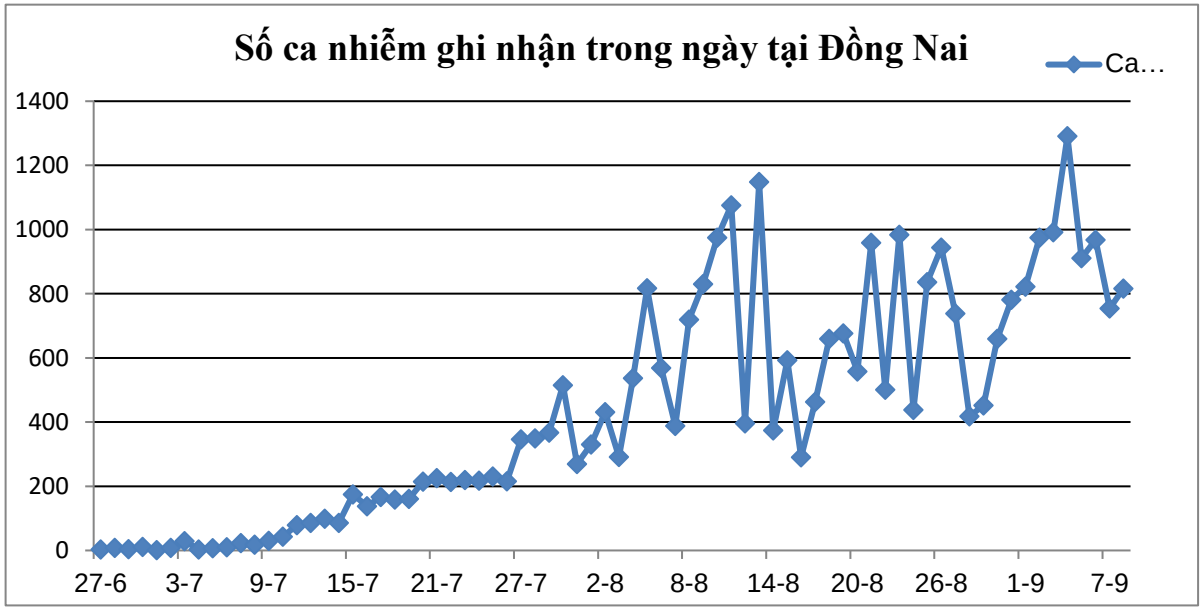

2. Tình hình xét nghiệm:

Các địa phương tiếp tục thực hiện xét nghiệm diện rộng bổ sung theo đề nghị của Sở Y tế tại Công văn số 7194/SYT-NV ngày 29/8/2021. Hiện có 10/11 huyện, thành phố (trừ Tân Phú) đã xây dựng và triển khai Kế hoạch.

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	69.927	Tăng (13,1%)	2.234.220
Dương tính	1.644 (816 ca mới, 828 ca theo dõi điều trị)	Tăng (13,1%)	66.831
Âm tính	67.371	Tăng (17,1%)	2.156.556

- 04 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai; 03 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR.

- Trong ngày có 1.644/69.927 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 2,3%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	606	7.764	15.586	23.350
Cách ly tại nhà	421	10.427	51.398	61.825
Theo dõi sức khỏe	156	3.678	20.869	24.547

Trong ngày: 415 F1 (cộng dồn: 13.913), 225 F2 (cộng dồn 30.365)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.652 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 12 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.640 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 58 ca, lũy kế 1.497 ca F0/137.449 tổng số LĐ Doanh nghiệp thự hiện 3T

- DN có F0 trong ngày: 04 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 60/1.128 tổng số DN 3T. Chi tiết DN có F0 trong ngày:

+ Công ty cơ khí và xây dựng Posco E&C Việt Nam - KCN Nhơn Trạch I: 01 ca F0, Công ty thực hiện "01 Cung đường, 02 Địa điểm" từ đầu tháng 7/2021. Công ty thuê trọn khách sạn ở Hiệp Phước để 71 người LĐ ở, việc đưa đón-ăn ở, test định kỳ... Công ty thực hiện rất nghiêm túc. Công ty đặt nghi vấn nguồn lây do những người ở khách sạn bị địa phương yêu cầu ra test cộng đồng, Công

ty có trình bày đã test định kỳ tại Công ty đầy đủ nhưng Thị trấn buộc phải tham gia test chung với cộng đồng dân cư khu vực khách sạn.

+ Công ty TNHH Promax Textile Việt Nam - KCN Nhơn Trạch III, Phân khu Formosa: 41 ca F0 chuyển từ F1.

+ Công ty TNHH Game Day Apparel Việt Nam - KCN Nhơn Trạch III: 12 ca F0 chuyển từ F1.

+ Công ty TNHH STANBEE ASIA Vina - KCN Nhơn Trạch II Nhơn Phú: 04 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.065/1.447 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 71,14%
- Đang điều trị: 432 ca, chiếm 28,86%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 32.120 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 816 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; không ghi nhận ca bệnh tử vong qua báo cáo của các cơ sở điều trị;
- 128 ca là phụ nữ đang mang thai, 484 ca dưới 5 tuổi, 533 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.
- 51 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,…);
  + 01 ca ECMO
  + 51 ca thở máy xâm lấn
- 501 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 3.521 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 8.286 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 13.356 giường (trống 6.669 giường).
- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 6.193 giường (trống 920 giường)
- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 459 giường (trống 218 giường)

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;
- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 816 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 04 ca phát hiện qua xét nghiệm sàng lọc cộng đồng, 514 ca trong khu cách ly và 298 ca trong khu phong tỏa. Trong đó:

+ 04 ca cộng đồng: ghi nhận 03 ca tại phường Tân Mai (Biên Hòa) qua xét nghiệm sàng lọc tại cơ sở y tế, 01 ca tại xã Xuân Đông (Cẩm Mỹ) đi về từ Biên Hòa.

+ 299 ca trong khu phong tỏa: ghi nhận nhiều nhất ở Nhơn Trạch (149): trong đó có 61 ca tại các công ty 3T đã phong tỏa: Promax Textile (41), Game Day Apparel (13), Daiwa Light (03), Nitto (02), Giấy Yuen Foong Yu (01), QDC Solution (01); Vĩnh Cửu (120) tại xã Thạnh Phú.

+ Bên cạnh đó ghi nhận 12 ca tại Bệnh viện Tâm thần TW2 bao gồm 11 bệnh nhân và 01 nhân viên, 02 trường hợp tình nguyện viên tỉnh Lào Cai nhiễm bệnh tại Nhơn Trạch .

- Hiện còn 575 trường hợp test nhanh, PCR mẫu gộp dương tính đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR, bao gồm: Nhơn Trạch (250), Biên Hòa (200), Tân Phú (47), Trảng Bom (16).

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 322, Biên Hòa 146 (122 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 125 (61 trường hợp test nhanh dương tính), Cẩm Mỹ 08 (07 trường hợp F0 điều trị khỏi), Định Quán 04, Xuân Lộc 01 trường hợp test nhanh dương tính;

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 02 tàu, 31 người
- Cộng dồn: 1.104 tàu, 20.668 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

**** Đợt 1 – đợt 6 (từ 22/4 đến 31/8/2021)***

- Số vắc xin đã tiêm: 835.457 liều (Trong đó: 791.382 mũi 1, 62.075 mũi 2)
- Phản ứng sau tiêm: + Nghiêm trọng: 24
  + Thông thường: 10.097

**** Đợt 7: từ ngày 01/9/2021***

- Số tiêm mới: 50.045 liều (49.402 mũi 1, 643 mũi 2)
- Số tiêm cộng dồn: 315.707 liều (314.884 mũi 1, 823 mũi 2), đạt 46,0% kế hoạch đợt 7.

- Phản ứng sau tiêm: + Nghiêm trọng: 00
+ Thông thường: 2.285

* ***Đợt 8: từ ngày 08/9/2021***

- Số tiêm mới: 9.208 liều (9.186 mũi 1, 22 mũi 2)
- Số tiêm cộng dồn: 9.208 liều (9.186 mũi 1, 22 mũi 2), đạt 3,0% kế hoạch đợt 8.
- Phản ứng sau tiêm: + Nghiêm trọng: 00
+ Thông thường: 130

Tổng số tiêm trong ngày: 59.253 liều

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã có 1.15.452 người được tiêm ngừa vắc xin COVID-19 (chiếm tỷ lệ 49,5% đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có 62.920 người đã tiêm đủ liều.

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- Thực hiện Chỉ thị 15/CT-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh về việc quyết liệt thực hiện các biện pháp, phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; theo đó tỉnh Đồng Nai thực hiện giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16 của Chính phủ **kể từ 0h00 ngày 09/7/2021**. Tỉnh đã quyết định tiếp tục thực hiện giãn cách toàn xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg **đến hết ngày 15/9/2021**, tiếp tục tăng cường thực hiện nghiêm các biện pháp trong công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo tại Công văn số 10569/UBND-KGVX ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh.

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III, Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- 04 ca cộng đồng: ghi nhận 03 ca tại phường Tân Mai (Biên Hòa) qua xét nghiệm sàng lọc tại cơ sở y tế, 01 ca tại xã Xuân Đông (Cẩm Mỹ) đi về từ Biên Hòa.

- Ghi nhận 12 ca tại Bệnh viện Tâm thần TW2 bao gồm 11 bệnh nhân và 01 nhân viên, 02 trường hợp tình nguyện viên tỉnh Lào Cai nhiễm bệnh tại Nhơn Trạch.

- Ghi nhận 08 ca mắc trong khu vực phong tỏa tại các xã ‘xanh’ Dầu, Giây, Hưng Lộc, Quang Trung (huyện Thống Nhất).

- Số ca mắc trong ngày tăng cao ở các công ty thực hiện 3T đã phong tỏa tại huyện Nhơn Trạch và các khu phong tỏa rộng như Thạnh Phú (Vĩnh Cửu), Hiệp Phước và các xã xung quanh Khu công nghiệp (Nhơn Trạch).

2. Kiến nghị

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Tiếp tục thực hiện việc bảo vệ các vùng xanh bằng việc phát hiện sớm, quản lý và cách ly người về từ các địa phương có dịch - Tiếp tục thực hiện triệt để việc giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 và các Công điện của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Bảo đảm cách ly tuyệt đối giữa các vùng.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG NAI

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Địa phương	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
1	Biên Hòa	199	Giảm 26,6%	12241
2	Nhơn Trạch	187	Giảm 38,1%	7639
3	Vĩnh Cửu	349	Tăng 200,9%	7389
4	Trảng Bom	36	Giảm 36,8%	2369
5	Long Thành	2	Tăng 100,0%	710
6	Thống Nhất	11	-	410
7	Long Khánh	0	-	327
8	Xuân Lộc	28	Tăng	256
9	Định Quán	3	0,0	247
10	Cẩm Mỹ	1	-	199
11	Tân Phú	0	-	25
12	Ngoại tỉnh, khác	0	Giảm 100,0%	304
Tổng		**816**	**Tăng (8,2%)**	**32.116**

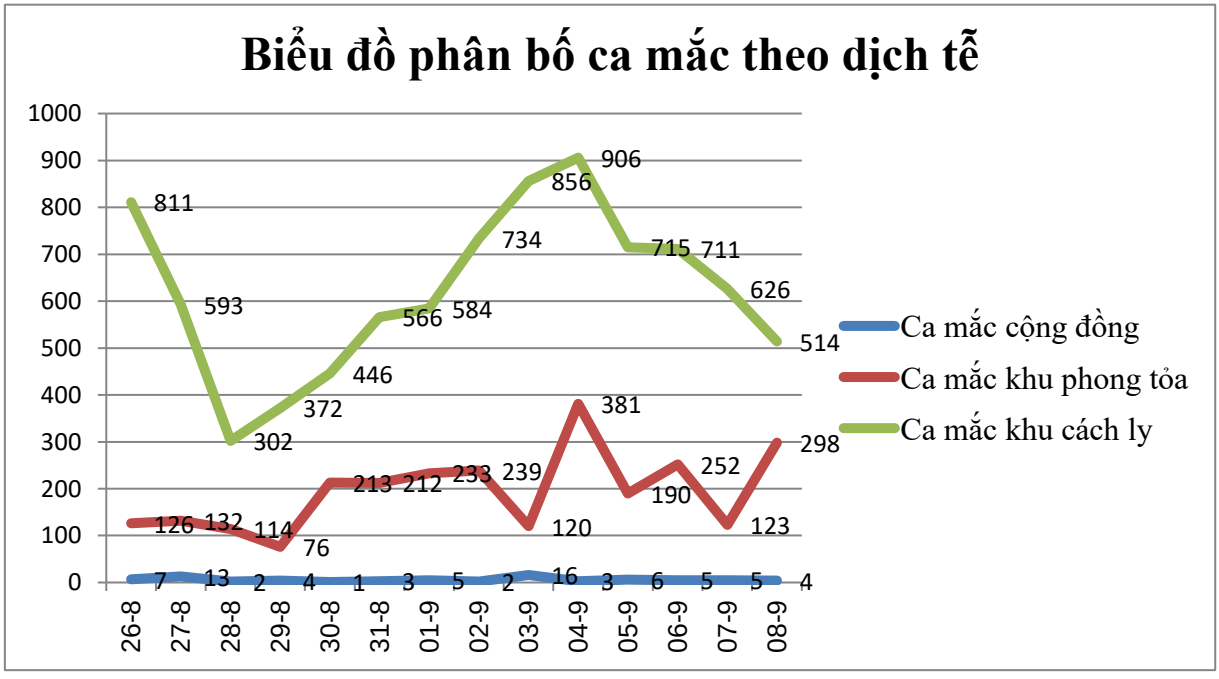

Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)								
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng				Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó			
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	Doanh nghiệp	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (40)										
1	**Biên Hòa**	**206**	**0**	**155**	**51**					
1.1	*An Bình*	**4**		4						
1.2	*An Hòa*	**1**		1						
1.3	*Bửu Hòa*	**1**		1						
1.4	*Bửu Long*	**5**		4	1					
1.5	*Hiệp Hòa*	**6**		6						
1.6	*Hố Nai*	**6**		3	3					
1.7	*Hóa An*	**0**								
1.8	*Hòa Bình*	**9**			9					
1.9	*Long Bình*	**51**		50	1					
1.10	*Long Bình Tân*	**64**		38	26					
1.11	*Phước Tân*	**3**		2	1					
1.12	*Quyết Thắng*	**1**			1					
1.13	*Tam Phước*	**19**		19						
1.14	*Tân Biên*	**4**		3	1					
1.15	*Tân Hạnh*	**0**								
1.16	*Tân Hiệp*	**9**		2	7					
1.17	*Tân Phong*	**15**		15						
1.18	*Tân Tiến*	**0**								

1.19	*Tân Vạn*	**3**		3						
1.20	*Trảng Dài*	**5**		4	1					
2	**Long Khánh**	**0**								
2.1	*Bảo Vinh*	**0**								
3	**Nhơn Trạch**	**209**	**0**	**60**	**149**					
3.1	*Đại Phước*	**9**		9						
3.2	*Hiệp Phước*	**124**		1	123					
3.3	*Long Tân*	**1**			1					
3.4	*Long Thọ*	**0**								
3.5	*Phú Đông*	**0**								
3.6	*Phú Hội*	**5**		5						
3.7	*Phú Hữu*	**0**								
3.8	*Phú Thạnh*	**18**		18						
3.9	*Phước An*	**0**								
3.10	*Phước Khánh*	**0**								
3.11	*Phước Thiền*	**52**		27	25					
3.12	*Vĩnh Thanh*	**0**								
4	**Trảng Bom**	**32**		**7**	**25**					
4.1	*Hố Nai 3*	**3**			3					
4.2	*Bắc Sơn*	**26**		5	21					
4.3	*Bình Minh*	**1**			1					
4.4	*Thanh Bình*	**0**								
4.5	*TT Trảng Bom*	**2**		2						
5	**Vĩnh Cửu**	**348**		**228**	**120**					
5.1	*Thạnh Phú*	**346**		226	120					
5.2	*Thiện Tân*	**2**		2						
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (28)										
1	**Biên Hòa**	**21**	**0**	**16**	**5**					
1.1	*Long Hưng*	2		2						

1.2	*Quang Vinh*	4		4						
1.3	*Tam Hiệp*	8		5	3					
1.4	*Trung Dũng*	7		5	2					
2	**Cẩm Mỹ**									
2.1	*Long Giao*									
2.2	*Sông Ray*									
3	**Định Quán**	**2**		**2**						
3.1	*Phú Ngọc*			2						
3.2	*Phúc Túc*									
4	**Long Khánh**									
4.1	*Xuân Bình*									
5	**Long Thành**									
5.1	*An Phước*									
5.2	*Bàu Cạn*									
5.3	*Bình Sơn*									
5.4	*Long An*									
5.5	*Tam An*									
5.6	*TT Long Thành*									
6	**Thống Nhất**									
6.1	*Gia Tân 3*									
6.2	*Gia Kiệm*									
7	**Trảng Bom**	**4**		**2**	**2**					
7.1	*Giang Điền*									
7.2	*Đồi 61*	**1**		1						
7.3	*Hưng Thịnh*									
7.4	*Sông Thao*	**2**			2					
7.5	*Sông Trầu*	**1**		1						
8	**Vĩnh Cửu**	**14**		**5**	**9**					
8.1	*Phú Lý*									

8.2	*Bình Lợi*									
8.3	*Mã Đà*	**1**		1						
8.4	*Tân An*	**13**		4	9					
8.5	*Trị An*									
8.6	*Vĩnh Tân*									
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (27)										
1	**Biên Hòa**	**12**	**3**	**9**						
1.1	*Bình Đa*	1		1						
1.2	*Tam Hòa*									
1.3	*Tân Hòa*									
1.4	*Tân Mai*	3	3							
1.5	*Thanh Bình*									
1.6	*Thống Nhất*	8		8						
2	**Cẩm Mỹ**									
2.1	*Xuân Quế*									
2.2	*Xuân Đường*									
2.3	*Bảo Bình*									
2.4	*Lâm San*									
2.5	*Xuân Tây*									
3	**Định Quán**	**1**		**1**						
3.1	*La Ngà*	1		1						
3.2	*Gia Canh*									
3.3	*Suối Nho*									
4	**Long Khánh**									
4.1	*Suối Tre*									
4.2	*Bàu Sen*									
5	**Long Thành**									
5.1	*Long Phước*									
5.2	*Phước Thái*									

6	**Trảng Bom**									
6.1	*Quảng Tiến*									
6.2	*Cây Gáo*									
6.3	*An Viễn*									
6.4	*Tây Hòa*									
6.5	*Đông Hòa*									
7	**Vĩnh Cửu**									
7.1	*Vĩnh An*									
7.2	*Bình Hòa*									
8	**Xuân Lộc**									
8.1	*Xuân Bắc*									
8.2	*Xuân Phú*									
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (75)										
1	Biên Hòa (00)									
2	Cẩm Mỹ (06)	**1**	**1**							
2.1	*Xuân Đông*	1	1							
3	Định Quán (09)									
4	Long Khánh (11)									
5	Long Thành (06)									
6	Nhơn Trạch (00)									
7	Tân Phú (18)									
8	Thống Nhất (08)	**8**		**8**						
8.1	*Dầu Giây*	**1**		1						
8.2	*Hưng Lộc*	**3**		3						
8.3	*Quang Trung*	**4**		4						
9	Trảng Bom (02)									
10	Vĩnh Cửu (02)									
11	Xuân Lộc (13)	**28**		**28**						
11.1	*Xuân Hưng*	28		28						

Phụ lục 3: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 5 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng…)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	**40**	**40**	**2**				**30**		**104**		**6**	**2**	**22**								**10**
2	BVTN/TTHSTC	**400**	**200**	**11**	**0**	**4**	**2**	**93**	**71**	**119**	**8**	**26**	**7**	**24**	**28**					**61**	**32**	**107**
3	BVĐKKVLK/HSTC	**100**	**40**	**0**	**0**	**0**	**0**	**23**	**51**	**31**	**10**	**3**	**0**	**5**	**15**	**0**	**0**	**0**	**0**	**13**	**3**	**17**
4	BVĐKKVLT	**100**	**100**	**0**	**0**	**0**	**0**	**46**	**17**	**25**	**0**	**13**	**2**	**0**	**31**		**0**	**0**	**0**	**37**	**9**	**54**
5	BV Nhi ĐN	**20**	**20**					**0**														
6	BV Định Quán	**60**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**11**
9	BV Đồng Nai 2	40	48	5	3	1	0	48	86	0	33	3	0	0	6	30	18	4	2	28	8	0
Tổng cộng (tầng 3)		**760**	**459**	**18**	**3**	**5**	**2**	**241**	**226**	**279**	**51**	**51**	**11**	**51**	**80**	**30**	**18**	**4**	**2**	**139**	**52**	**218**
TẦNG 2																						
1	Bệnh viện dã chiến số 1	**350**	**285**	**0**	**0**	**1**	**0**	**212**	**19**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**4**	**165**	**43**	**2**	**7**	**11**	**15**	**73**
2	Bệnh viện dã chiến số 2	**350**	**370**	**4**	**0**	**16**	**0**	**289**	**79**	**0**	**658**	**0**	**0**	**0**	**6**	**175**	**108**	**5**	**15**	**115**	**16**	**50**
3	Bệnh viện dã chiến số 3	**550**	**500**	**27**	**1**	**1**	**0**	**476**	**47**	**0**	**1088**	**0**	**0**	**0**	**24**	**50**	**402**	**12**	**18**	**382**	**94**	**24**
4	Bệnh viện dã chiến số 4	**360**	**345**	**8**	**0**	**4**	**0**	**314**	**57**	**0**	**903**	**0**	**0**	**0**	**9**	**45**	**269**	**0**	**17**	**294**	**1**	**31**
5	Bệnh viện dã chiến số 5	**300**	**316**	**14**	**0**	**2**	**0**	**287**	**25**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**172**	**115**	**5**	**61**	**1**	**1**	
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	75	131	0	**0**	711	79	0	2583	0	0	0	23	252	436	7	31	579	14	299
7	Bệnh viện dã chiến số 7	**800**	**700**	**40**	**77**	**1**	**0**	**663**	**101**	**1**	**1552**	**0**	**0**	**0**	**10**	**68**	**587**	**2**	**43**	**12**	**19**	**35**

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 5 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng…)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	4	0	1	**0**	627	21	0	654	0	0	0	17	146	455	2	51		10	0
9	Bệnh viện dã chiến số 9	**1000**	**662**	**0**	**0**	**0**	**0**	**359**	**13**	**0**	**717**	**0**	**0**	**0**	**9**	**246**	**104**	**4**	**26**	**320**	**3**	**303**
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	**807**	**44**	**33**	**0**	**0**	**563**	**31**	**0**	**929**	**0**	**0**	**0**	**22**	**93**	**470**	**2**	**44**	**496**	**23**	**244**
11	Bệnh viện Da liễu	150	150	2	0	0	0	110	17	0	341	0	0	0	4	33	75	0	14	82	2	10
12	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	3	1	0	2	65	51	9	88	7	0	0	38	42	7	9	0	10	9	9
13	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	12	0	2		68							3	48	17		22	45	1	0
14	Bệnh viện ĐKKV Long Thành		150	0	0	0	0	85	0	0	0	0	0	0	20		0	4	1	68	17	65
15	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	1	1	0	0	10	3	0	2	0	0	0	1	10	0	0	1	10	0	20
16	Bệnh viện Phổi	60	11					5				1			2	1	1					
17	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai 2	10	3	1	0	0	0	48	86	0	33	3	0	0	6	30	18	4	2	28	8	8
18	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	3	3	0	0	23	76	0	50	0	0	0	3	8	12	0	4	7	0	12
19	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	1	0	1	0	56	17	1	0	0	0	0	0	17	39	5	1	55	0	9
20	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	12	0	0	0	0	11	3	0	16	0	0	0	6	11	0	3	0	3	8	1
21	Bệnh viện Tâm thần TW 2	500		10		1		222	1						3	190	29			163	59	
Tổng cộng (tầng 2)		**7517**	**6300**	**249**	**247**	**30**	**2**	**5215**	**726**	**11**	**9615**	**11**	**0**	**0**	**215**	**1802**	**3187**	**66**	**358**	**2681**	**300**	**1085**

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó						Phụ nữ có thai	BN < 5 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng…)	Không triệu chứng					
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 1																						
1	Biên Hòa	3924	3522	170	126	15	0	2901	512	10	1226	0	0	0	32	938	1743	17	184	2068	66	355
2	Long Khánh	432	432	0	1	0	0	18	0	0	1	0	0	0	0	5	13	0	0	17	0	413
3	Vĩnh Cửu	5790	5660	141	53	108	0	1812	822	3	3142	0	0	0	0	145	1491	20	131	1568	18	2464
4	Định Quán	100	89	4	0	0	0	37	47	0	39	0	0	0	0	25	12	0	3	34	0	52
5	Tân Phú	60	60	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60
6	Trảng Bom	**876**	**871**	**63**	**6**	**0**	**0**	**370**	**817**	**1**	**772**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**370**	**1**	**25**	**159**	**25**	**553**
7	Thống Nhất																					
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	2	0	0	0	21	2	0	4	0	0	0	0	6	15	0	0	0	0	179
10	Long Thành	500	212	6	30	0	0	212	23	0	296		0	0	0	162	50	3	20	50	30	
11	Nhơn Trạch	2120	2310	2	92	228	0	1663	0	0	0	0	0	0	45	350	1285	15	121	1504	38	647
	TỔNG CỘNG (Tầng 1)	**14302**	**13356**	**388**	**308**	**351**	**0**	**6687**	**2223**	**14**	**5484**	**0**	**0**	**0**	**77**	**1631**	**4979**	**56**	**484**	**5400**	**177**	**6669**
TỔNG TẦNG (3+2+1)		**22579**	**20115**	**655**	**558**	**386**	**4**	**12143**	**3175**	**304**	**15150**	**62**	**11**	**51**	**372**	**3463**	**8184**	**126**	**844**	**8220**	**529**	**7972**